

Nghề rượu trong đời sống cư dân làng Vân thế kỷ XVII-XIX

Ngô Văn Cường*

Nhận ngày 12 tháng 6 năm 2022. Chấp nhận đăng ngày 17 tháng 8 năm 2022.

Tóm tắt: Nghiên cứu về lịch sử làng nghề thủ công nấu rượu đến nay còn nhiều vấn đề bỏ ngỏ. Nhiều làng nghề rượu ở xứ Kinh Bắc đã thất truyền, trong khi đó rượu làng Vân (xã Vân Hà, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang) trải qua quá trình phát triển vẫn tồn tại đến ngày nay. Tại đây, còn lưu giữ được nguồn sử liệu phong phú đa dạng. Tác giả đã phân tích, tổng hợp làm rõ sự ra đời, quy trình, bí quyết nghề rượu, quá trình bảo vệ nghề và sự ảnh hưởng đối với đời sống kinh tế, văn hóa - xã hội - được coi là những mặt cơ bản của cư dân làng Vân thế kỷ XVII-XIX, góp phần nghiên cứu về nghề thủ công nấu rượu truyền thống, kết cấu kinh tế ở làng xã đồng bằng, trung du Bắc Bộ thế kỷ XVII-XIX.

Từ khóa: Cư dân làng Vân, nghề rượu, thế kỷ XVII-XIX.

Phân loại ngành: Sử học

Abstract: Research on the history of the craft village of winemaking still has many open issues. A number of wine villages in Kinh Bắc have disappeared, while the wine of Vân village (Vân Hà commune, Việt Yên district, Bắc Giang province) has undergone development and still exists today. Here, a rich variety of historical sources is also preserved. The author has analyzed, synthesized and clarified the birth, process, know-how of the wine industry, the process of protecting the profession and the influence on economic, cultural and social life, which are considered the fundamental aspects of residents in Vân village in the 17th-19th centuries, contributing to the study of traditional winemaking craft and economic structure in the plains and midland villages of the North in the 17th-19th centuries.

Keywords: Vân village residents, winemaking, 17th-19th centuries.

Subject classification: History

1. Mở đầu

Chủ đề về làng xã và nông thôn trong lịch sử Việt Nam từ xưa đến nay luôn được nhận được sự quan tâm nghiên cứu của nhiều nhà khoa học trong và ngoài nước. Đối với nghề thủ công truyền thống ở làng xã cổ truyền, đã có nhiều công trình nghiên cứu. Tuy nhiên, nghiên cứu về nghề nấu rượu truyền thống không có nhiều công trình. Có thể kể đến nghiên cứu của Gerard Sasges với tác phẩm *Độc quyền rượu và chế độ thuộc địa Pháp ở Đông Dương* (2022), phản ánh về quá trình thiết kế, thực thi chế độ độc quyền rượu, tác động xã hội của việc thực thi chính sách độc quyền, hay Pierre Gourou với tác phẩm *Người nông dân ở châu thổ Bắc Bộ* (2003), phản ánh về nghề rượu mang tính khái quát trong một phần nhỏ của cuốn sách. Với phạm vi, đối tượng, các tác giả phản ánh từng mặt về nghề rượu đầu thế kỷ XX, chưa nghiên cứu sâu sắc, toàn diện về một làng nghề rượu cụ thể.

Làng Vân thuộc xã Vân Hà, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang nổi tiếng với nghề nấu rượu từ xưa đến nay và cũng là nơi lưu giữ các tri thức, bí quyết nghề rượu. Rượu làng Vân ra đời như thế nào? Quy trình, bí quyết, bảo vệ nghề ra sao? Vai trò, vị trí nghề rượu làng Vân trong các làng nghề rượu

* Viện Nghiên cứu Kinh thành, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Email: cuonglinhchi@gmail.com

ở xứ Kinh Bắc¹, sự tác động của nghề rượu đến đời sống kinh tế, văn hóa - xã hội qua trường hợp làng Vân thế kỷ XVII-XIX như thế nào? Lý giải những vấn đề trên, tác giả đã sử dụng phương pháp nghiên cứu văn bản học Hán Nôm; điền dã dân tộc học; phương pháp nghiên cứu của sử học để lấy thông tin từ sử liệu, phân tích, tổng hợp làm rõ sự ra đời, quy trình, bí quyết nghề nghiệp, quá trình bảo vệ nghề, sự ảnh hưởng nghề rượu đối với đời sống kinh tế, văn hóa làng Vân từ thế kỷ XVII đến cuối thế kỷ XIX trước khi chính quyền thực dân đưa ra chính sách độc quyền rượu.

2. Sự ra đời, quy trình, bí quyết và bảo vệ nghề rượu

2.1. Sự ra đời và phát triển

Làng Vân có địa hình là khúc quanh uốn lượn theo dòng sông Nguyệt Đức (sông Cầu). Tổng số ruộng đất qua *Địa bạ xã Yên Viên* (làng Vân) năm Gia Long thứ 4 (1805) gồm: “391 mẫu, 6 sào, 2 thước gồm đất và các loại ruộng” (Trung tâm lưu trữ quốc gia I, tr.1). Trong đó, “ruộng có 336 mẫu, 4 sào, 6 thước. Ruộng vụ chiêm, *Địa bạ* gọi là ruộng vụ Hạ: hạ có 34 mẫu, 7 sào, 14 thước, 1 tấc. Ruộng vụ mùa chiếm hơn 70 % số ruộng, *Địa bạ* gọi là ruộng vụ Thu có 301 mẫu, 6 sào, 7 thước”. Ruộng vụ mùa thường thất thu do cánh đồng luôn ngập nước. Để mưu sinh, người trong làng đã tìm đến với nghề nấu rượu như một giải pháp quan trọng, khi sản xuất nông nghiệp gặp khó khăn trên nhiều phương diện (thiếu đất đai canh tác, thổ nhưỡng không thích hợp với cây lúa...).

Tổ nghề rượu của làng Vân là Nghi Địch, sách *Rượu Trung Quốc* phản ánh Nghi Địch là vợ vua Vũ Vương: “Phi tần của Đại Vũ thời Hạ, sai Nghi Địch làm rượu. Sau nhiều lần thử nghiệm, Nghi Địch đã làm ra được loại rượu ngon, dâng cho Đại Vũ. Đại Vũ nếm thử và tấm tắc khen ngon...” (Lý Thanh Bình, 2012, tr.16). Theo truyền thuyết, một lần khi đến làng Vân, nhìn thấy dân làng chịu cảnh ngập lụt, nghèo khó quanh năm vì chỉ biết làm ruộng và đánh cá, nên Nghi Địch dạy dân nấu rượu. Tưởng nhớ công ơn, làng Vân coi bà là Tổ nghề (Thánh sư), giỗ ngày 7 tháng Giêng hàng năm. Trong ngày giỗ, các gia đình thịt gà mái làm cỗ cúng. Truyền thuyết về tổ nghề và rượu làng Vân như vậy là đã có từ hàng nghìn năm trước. Đến đầu thế kỷ XVII, nghề rượu đã trở nên hưng thịnh. Theo tài liệu hồi cố kết hợp với bản giao ước hai làng Vân và Đông Gạo², năm Chính Hòa thứ 24 (1703), khi ban sắc cho thành hoàng làng Vân, các chức dịch, hương lão vào kinh đô rước sắc đã mang 3 vò rượu tiến vua. Vua Lê Hy Tông đã ban cho văn võ bá quan trong triều, ai cũng khen ngon, thơm, vua khen và ban: “Vân hương mỹ tửu”. Được vua ban mỹ tự, rượu làng Vân càng trở nên nổi tiếng.

Sách *Địa phương chí tỉnh Bắc Ninh qua tư liệu Hán Nôm* đánh giá về nghề nấu rượu ở tỉnh Bắc Ninh, trong đó có rượu làng Vân: “Kính xét: trong tỉnh dân phần nhiều là theo nghiệp nhà nông. Các nghề khác cũng có. Xã nào mà chuyên làm thành nghề thì mới trình bày rõ ràng vào đây.

Nấu rượu

Ở Đông Ngàn thì có các xã Yên Lữ³, Yên Thường⁴, Quan Đình⁵, Dương Lôi⁶, Vân Diêm⁷, Hà Lỗ⁸, Kim Bảng⁹.

¹ Xứ Kinh Bắc hình thành thời vua Lê Thánh Tông năm 1490, gồm địa giới 2 tỉnh Bắc Giang, Bắc Ninh và một phần Hà Nội, Hưng Yên, Lạng Sơn, Vĩnh Phúc ngày nay.

² Làng Đông Gạo: thôn Phong Nẫm, tổng Nguyễn Xá, huyện Yên Phong, phủ Từ Sơn, xứ Kinh Bắc. Nay thuộc xã Đông Phong, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

³ Còn gọi là làng Yên Lã, hiện nay thuộc phường Tân Hồng, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

⁴ Hiện nay là làng Yên Thường, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

⁵ Hiện nay là làng Quan Đình, xã Văn Môn, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

⁶ Hiện nay là làng Dương Lôi, phường Tân Hồng, thành phố Từ Sơn, thành phố Bắc Ninh.

⁷ Hiện nay là làng Vân Diêm, xã Văn Hà, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

⁸ Hiện nay là làng Hà Lỗ, xã Liên Hà, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

⁹ Hiện nay là làng Kim Bảng, phường Hương Mạc, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Ở Yên Phong thì có các xã Đại Lâm¹⁰, Phú Mẫn¹¹...

... Huyện Việt Yên thì có xã Yên Viên. Tựu trung thì chỉ có xã Yên Viên là rượu nặng, ngọt ngon nhất. Rượu Yên Lữ thì nồng nhưng lại nhạt”... (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, 2021, tr.278-279).

Pierre Gourou mô tả về rượu làng Vân đầu thế kỷ XX qua tác phẩm *Người nông dân châu thổ Bắc Bộ* như sau: “Theo nhân viên sở thuế, làng Yên Viên nấu khoảng 2.000 lít rượu một ngày, tương đương với 2 tấn gạo tức là 700 tấn gạo một năm và khoảng 1.000 tấn thóc, đó quả là một sự tiêu dùng đáng kể” (Pierre Gourou, 2003, tr.431). Tại phần chú thích, P. Gourou đã thống kê các làng nghề nấu rượu ở tỉnh Bắc Giang, gồm 32 làng. Tác giả đã đánh giá làng Vân (Yên Viên) là: “Làng quan trọng nhất trong hệ thống các làng nấu rượu ở Bắc Giang”... (Pierre Gourou, 2003, tr.431). Những mô tả về làng Vân dù không nhiều, nhưng đã chứng tỏ vị trí quan trọng của nghề rượu làng Vân ở giai đoạn đầu thế kỷ XX. Để sưu tầm về số lượng các xóm, ngõ và các hộ gia đình, số lượng rượu được nấu trung bình của một hộ ở cuối thế kỷ XIX, trong các năm 2005-2011, tác giả bài viết này đã sưu tầm số hộ gia đình phân bố ở xóm, ngõ qua gia phả của 12 dòng họ kết hợp với sơ đồ xóm, ngõ, đồng thời, lập danh sách đối tượng là những người có năm sinh từ 1925 về trước để điều tra hồi cố, sau đó xin ý kiến những người cao tuổi trong làng tập trung thảo luận. Qua tìm hiểu như trên, chúng tôi xác định được rằng, đến cuối thế kỷ XIX, làng Vân có 308 hộ gia đình phân bố ở 43 ngõ, 4 xóm. Trung bình một hộ gia đình nấu rượu hết khoảng 20 kg gạo một ngày. Tổng số lượng một ngày, với 308 hộ gia đình, trung bình nấu rượu hết 6.160 kg gạo. Một năm, số gạo dùng nấu rượu khoảng 2.248.400 kg (Pierre Gourou, 2003, tr.432). Thực tế số rượu sản xuất luôn nhiều hơn số khai thuế. Thế kỷ XVII-XIX, nghề rượu đã đem lại đời sống sung túc cho nhân dân làng Vân. Điều này cũng cho thấy vị trí, vai trò quan trọng của nghề rượu làng Vân trong các làng nghề xứ Kinh Bắc.

2.2. Bí quyết, quy trình sản xuất

Về nguồn nước. Ở các làng ven sông, trong đó có làng Vân, mọi việc sinh hoạt như tắm, giặt đều lấy nước sông do khó có thể đào giếng. Để nấu rượu, người trong làng dùng nước ao. Mỗi xóm đều có từ 2 đến 4 ao. Hệ thống ao có vị trí kéo dài song song với bãi và sông Nguyệt Đức (sông Cầu) và dọc theo chiều dài của làng, gồm ao các gia đình và ao chung của làng, xóm. Ao được thả bèo, hoặc thả rau rút, làm cho nước trong suốt, lọc được các tạp chất. Chính nguồn nước là một trong yếu tố làm cho vị của rượu Vân ngọt, ngon¹².

Bảng 1: Các ao làng cuối thế kỷ XIX

Xóm Thượng	Xóm Trung	Xóm Giữa	Xóm Đông
Ao Hàng	Ao cụ Tư	Ao bà Lý Hạng	Ao Đền
Ao Lũy	Ao cụ Sẻ	Ao cụ lang Tương	Ao nhà cụ Phó Trai
	Ao cụ Mân	Ao cụ Đĩnh	Ao nhà cụ Quát
		Ao nhà bà Đệ	
		Ao chùa Diên Phúc	

Nguồn: Tài liệu khảo sát thực địa của tác giả.

¹⁰ Hiện nay là làng Đại Lâm, xã Tam Đa, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

¹¹ Hiện nay là làng Phú Mẫn, thị trấn Chờ, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

¹² Năm 1897, khi chính quyền thực dân áp thực hiện chính sách độc quyền về rượu, 27 hộ gia đình trong làng Vân di cư lên Phúc Sơn, Yên Thế (nay thuộc huyện Tân Yên) tiếp tục duy trì nghề nấu rượu. Tuy nhiên, do nguồn nước không hợp, nên nấu rượu tại nơi ở mới không ngon như ở quê hương. Người dân về làng cũ cách 27 km dùng bong bóng trâu để đựng nước mang lên nơi ở mới để nấu rượu. Điều đó cho thấy nguồn nước có vai trò quan trọng trong rượu làng Vân.

Về men rượu. Nấu rượu không thể thiếu men. Trong men rượu có nhiều vi sinh có tác dụng phân hủy tinh bột thành đường và chuyển hóa thành com rượu. Tài liệu *Yên Viên xã tục lệ* (安園社俗例), niên đại Minh Mệnh thứ 2 (1821), ghi 1 bài thuốc làm men rượu gồm 9 vị thuốc bắc. Các tài liệu Hán Nôm như *Yên Viên xã các sự lệ* (安園社各事例), *Yên Viên xã thần tích, thần sắc* (安園社神敕神跡) đều có ghi các vị thuốc làm men với 9, 13, 15, 24, 35... vị thuốc Bắc. Tùy thời tiết từng mùa, một số vị thuốc có thể gia giảm để cân bằng nhiệt độ, giúp quá trình phân hủy tinh bột được tốt hơn. Thuốc Bắc nghiền nhỏ trộn với bột gạo, cho vào chảo đảo đến khi thật dẻo thì nắm lại thành viên, để trên nong, nia, phía dưới có rải trấu, đậy kín nong, nia men lại cho nóng men. Sau 12 giờ, nếu trời nóng, thấy men phồng lên, bỏ nắp đậy ra, để ở chỗ thoáng gió không cho ánh nắng trực tiếp chiếu vào. Nếu trời rét, thời gian ủ sẽ lâu hơn. Mỗi gia đình đều có bài thuốc làm men riêng. Bí quyết nấu rượu, làm men được coi là “bí quyết sinh tử” phải bảo toàn của mỗi gia đình.

Công cụ nấu rượu: nồi đồng để đun sôi com đã trộn men, bên trên nồi đồng được đậy nắp (dân làng gọi là “phần”). Trên là bộ phận “thủy thượng”, tức nước ở chậu sành để làm lạnh ngưng tụ rượu chảy ra ống nứa. Vật liệu đun là củ, rơm, củi. Một nồi rượu nấu từ 21 đến 23 kg gạo cho ra 15 lít rượu. Để có rượu ngon, các bí quyết bao gồm chọn gạo, nước, men, đồ đựng rượu, kỹ thuật nấu. Dụng cụ nấu rượu có các loại như nồi đồng, ang sành Thổ Hà, Phù Lãng đựng com ủ men, chum đựng rượu sau khi nấu, ang đựng nước mưa. Đồ dẫn rượu được làm bằng ống nứa, ống đồng.

Về quy trình nấu rượu. Bắt đầu chọn gạo, sau đó thổi com chín, rải đều ra nong cho nguội, trộn men giã nhỏ rải vào com cho đều, ủ vào thúng thật kín. Sau 12 tiếng đồng hồ, khi com đã lên men chảy ra nước thì đổ vào chum. Cho nước vào thúng com lên men trong chum theo tỷ lệ, để chum ở chỗ thoáng mát sau khi đã bịt kín miệng. Sau 7 đến 9 ngày mang ra nấu. Đồ com đã lên men đó vào trong nồi, đậy phần có cần nấu rượu cắm vào, để cần chạy qua bể nước, khi đun lên, hơi rượu chảy qua cần sẽ thành rượu. Để đo nồng độ rượu, dùng một đầu ống nứa hứng rượu chảy ở nồi chung cất, lấy ngón tay bịt đầu ống còn lại, sau đó, nhấc ống nứa lên cao rồi thả đầu ngón tay vừa bịt gieo rượu vào bát. Nhìn vào tấm rượu, có thể xác định nồng độ rượu tương đối chính xác, từ đó, có thể chung cất loại rượu nặng bao nhiêu độ đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

2.3. Quá trình bảo vệ nghề

Trong các làng nghề thủ công, giữ bí quyết nghề nghiệp là đòi hỏi quan trọng. Làng Vân có 12 dòng họ có quan hệ hôn nhân. Con gái lấy chồng ngoài làng dẫn đến bí quyết nghề rượu sẽ dễ bị tiết lộ ra bên ngoài. Từ điều tra thực tế, con gái làng Vân từ thế kỷ XVII-XIX không có hiện tượng lấy chồng ngoài làng, do phụ nữ làng Vân không quen với nghề làm ruộng, nên, để đảm bảo cuộc sống, họ dễ mang nghề nấu rượu của cha ông ra làm. Nghề nấu rượu bị truyền ra ngoài sẽ phạm phải lời thề và bị gia đình, dòng họ, xóm, giáp, làng kỳ thị. Vì lẽ đó, việc hôn nhân theo lệ như thế đã đi vào ca dao: “Trời mưa cho ướt lá cà/ Đố ai lấy được đàn bà Vạn Vân” (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, 2021, tr.68).

Làng Vân có tục thề, còn gọi là “Minh thệ” 盟誓, để không truyền nghề nấu rượu ra ngoài. Lễ thề vào ngày thụ tử¹³ trong tháng Giêng hàng năm. Thành phần tham gia gồm 4 cụ thượng ở 4 giáp, lý trưởng, phó lý, hương dịch, trưởng 12 dòng họ. Địa điểm thề ở chùa Quảng Lâm¹⁴. Tài liệu *Yên Viên xã tục lệ* (安園社俗例) cho biết để chuẩn bị buổi lễ, chức sắc trong làng giao cho giáp đương cai mua 3 đấu gạo, 1 thủ lợn, nửa đải (be) rượu, 500 miếng trầu, 1 con gà trống trắng bày lễ tại nhà trưởng giáp đương cai sau đó mang ra chùa Quảng Lâm. Nghi lễ thề được chia làm 3 bàn: thượng, trung, hạ.

¹³ Ngày thụ tử theo quan niệm dân gian là ngày xấu thích hợp làm những việc như viếng đám tang, săn bắt, sát sinh...

¹⁴ Chùa Quảng Lâm tên khác là chùa Độc, là một trong 3 ngôi chùa của làng, có vị trí ngoài đồng Săng, gần với làng Thổ Hà.

Bàn thượng dành cho cụ thượng (người cao tuổi nhất của mỗi giáp), bàn trung dành cho chánh, phó lý..., bàn hạ dành cho các giáp, đại diện 12 dòng họ. Vào buổi lễ, theo thứ tự, lý trưởng rồi đến các thành phần tham dự làm lễ. Sau đó, cất tiết gà trống trắng nhỏ máu vào thau đựng rượu và tiến hành thề. Bài văn thề *Minh thệ văn* 盟誓文 có đoạn như sau: “Trước phật điện, xin được cất máu ăn thề cùng lập khoán ước: chế ra rượu quý là kỹ nghệ của tổ tông truyền lại cho muôn đời con cháu mai sau làm nghiệp sinh sống, không được truyền cho người ngoài. Nếu kẻ nào hoặc vì bầu bạn thâm giao, hoặc tham tiền của ngoại khách, mà phản lại khoán ước của tổ tông, truyền dạy nghề cho người ngoài làng thì trước án đàn xin nguyện cầu trời đất cùng 18 long thần đánh chết để kẻ đó không được hưởng phúc ấm của tổ tông...” (Yên Viên xã tục lệ, tr.60). Để bảo tồn nghề rượu, câu ca truyền khẩu lưu truyền giữa các thế hệ dễ nhớ, dễ thuộc: “Con ơi nhớ lấy lời nguyên/ Nghề tổ nấu rượu chớ truyền cho ai”.

Song song với việc bảo vệ bí quyết nghề, áp lực về chính sách của triều đình ở từng thời gian khác nhau cũng làm cho người trong làng phải đoàn kết để đối phó. Thế kỷ XVII-XVIII, nhà nước không hạn chế nấu rượu, nhưng năm Bảo Thái thứ 5 (1724) có thu thuế rượu. Theo *Lịch triều hiến chương loại chí*: “Dụ Tông, năm Bảo Thái thứ 5 (1724). Các lệ thuế tô dung đã định. Phàm các thuế thổ sản trước không có nay mới có thì tùy sở nghi mà châm chước đánh giá vừa phải, chuẩn định cho nộp trừ tiền vào tô dung theo loại khác nhau... Về loại thuế vật dụng: rượu, mật mía, mật ong, dầu thấp, muối...” (Phan Huy Chú, 2007, tr.144). Việc thu thuế rượu năm 1724 tác động không lớn đến sản xuất rượu ở làng Vân. Đến tháng 8 năm 1855, vua Tự Đức đã định lại việc cấm rượu: “Định lại việc cấm rượu, phàm các phủ, huyện, tổng nào có nấu rượu bán, thì tổng lớn để lại 3 lò nấu, tổng vừa 2 lò, tổng nhỏ 1 lò. Tổng nào hoặc có 3 đến 4 xã, thôn từ trước chuyên lấy nghề nấu rượu sinh nhai, mà các tổng chung quanh đều không lò nấu bán, chỉ chuyên đến lấy rượu dùng, cũng chước lượng cho phép các chủ lò nấu rượu ấy vẫn lưu lại, cho đủ số lượng tổng lớn 3 lò, tổng vừa 2 lò, tổng nhỏ 1 lò. Nhà dân, hoặc có việc nên dùng rượu, thì số rượu mua ấy chỉ nên mua vừa đủ dùng, không được mua nhiều; nếu không có việc gì, thì rượu nhất thiết phải cấm chi” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tr.391). Chính sách cấm rượu đã từng bước tác động đến việc sản xuất rượu ở làng Vân. Người làng Vân đã tìm mọi cách để đối phó. Về địa hình, làng Vân có một bên là lũy tre ngăn cách làng với cánh đồng chiêm trũng thường ngập nước, một bên là sông Nguyệt Đức. Hai đầu vào làng, một đầu phía đông là bãi Han và lũy tre giáp với làng Thổ Hà, phía tây là cổng làng. Kết cấu của các ngõ trong làng rất hẹp, lại thông với nhau, cuối thế kỷ XIX có 43 ngõ: “Ngõ thông ngõ, nhà thông nhà”. Các xóm đều có điểm, nơi mà tuần đinh có thể canh giữ. Kết cấu làng, ngõ, xóm, nhà như trên, kết hợp với việc báo hiệu bằng mõ, cùng kinh nghiệm của làng xã luôn đối mặt với giặc cướp, nên cũng có thể đối phó hiệu quả với chính quyền khi kiểm soát rượu. Nhân dân trong vùng có câu phương ngôn: “Trống Lát¹⁵, mõ Vân/ Chuông chùa Quả cảm¹⁶” (Khổng Đức Thiêm, Nguyễn Đình Bru, 1994, tr.122). Nghe tiếng mõ báo động khi bị kiểm tra rượu, dân làng giấu ngay các đồ nấu rượu dưới ao. Ang ủ rượu với men được chôn ở lũy tre, ngoài đồng. Hoặc cũng có khi chính quyền cơ sở của làng xã thông đồng với quan phủ, huyện, tổng để bảo vệ nghề của làng, tránh cho việc kiểm soát số lượng các lò nấu rượu. Những hành động như vậy khiến cho nghề rượu luôn được duy trì sản xuất.

3. Nghề rượu trong đời sống kinh tế, văn hóa

3.1. Đời sống kinh tế

Người trong làng kết hợp nấu rượu với chăn nuôi lợn để tận dụng bã rượu. Nhờ vào sản xuất rượu, đa số cư dân đã thoát ly khỏi việc canh tác lúa nước để thực hiện nghề thủ công nấu rượu, chăn nuôi

¹⁵ Làng Lát (xã Tiên Lát, tổng Tiên Lát, nay thuộc các thôn Thượng Lát, Hạ Lát xã Tiên Sơn) có trống đánh hội rất to vang cả một vùng.

¹⁶ Làng Quả Cảm nay thuộc phường Hòa Long, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh có chuông to, tiếng vang vọng.

lợn và buôn bán. Qua Văn bia *Diên Phúc tự tạo khai các sở lập bi - Sáng lập tín thí Tam Bảo thị bi* thì chợ làng Vân được lập năm Khánh Đức thứ 3 (1651).

Chợ Tam Bảo ở làng Vân đồng thời là chợ lý sở huyện và phân phủ Thiên Phúc cùng với hệ thống chợ ven sông, vì thế, thu hút được nhân dân nhiều nơi đến mua bán, trao đổi hàng hóa. Mỗi gia đình trong làng nuôi lợn nái, lợn thịt để tận dụng bã rượu. Đến các phiên chợ Trục¹⁷, chợ Thổ Hà¹⁸, chợ Nhائم Nghiê¹⁹, chợ Vạn Phúc..., người làng Vân tới bán lợn con, lợn thịt. Gạo và rượu ở chợ làng đã trở thành nguồn hàng không thể thiếu. Nhân dân trong vùng và các nơi chở gạo đến chợ Vân bán để phục vụ cho nhu cầu nấu rượu. Dần dần, đặc trưng của hàng hóa là gạo đã đi vào phương ngôn: “Thuyền Tam Tảo²⁰, gạo chợ Vân” (Khổng Đức Thiêm, Nguyễn Đình Bưu, 1994, tr.126).

Chính nhờ sự phát triển của nghề thủ công rượu làng Vân tác động đến nhu cầu giao thương liên làng, liên vùng dọc theo dòng sông Cầu, đã ra đời một số chợ bên sông, tạo nên yếu tố mở, là đặc trưng trong phát triển mạnh mẽ thương nghiệp từ thế kỷ XVII đến đầu thế kỷ XIX. Đến nửa sau thế kỷ XIX, do chính sách cấm rượu của triều đình dẫn đến sản xuất rượu đình trệ, nên hoạt động thương nghiệp giảm sút, làng Vân không còn là lý sở của huyện Việt Yên và phân phủ Thiên Phúc. Sách *Đại Nam nhất thống chí* ghi: “Lý sở huyện Việt Yên: ở xã Yên Viên, lũy tre, chu vi 160 trượng, nguyên là lý sở của huyện, sau là lý sở của phân phủ Thiên Phúc²¹, nay bỏ” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2006, tr.82). Là lý sở của huyện, đó cũng là yếu tố góp phần tác động đến sự phát triển của chợ làng, nhưng chưa phát triển đủ mạnh để hình thành bộ phận dân cư ở làng chuyên buôn như Đa Ngu, Báo Đáp, Đan Loan, Phù Lưu (Nguyễn Quang Ngọc, 1993). Đến đầu thế kỷ XIX, qua *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí*, Lê Quang Định mô tả về chợ làng Vân: “970 tầm, đường ven theo bờ đê, phía đông có dân cư, phía tây là ruộng cấy lúa, đến chợ Yên Viên, tục gọi là chợ Vân, ở đây quán xá thừa thớt, khách đi đường có thể nghỉ chân”... (Lê Quang Định, 2005, tr.182). Tổng Tiên Lát ở các thế kỷ XVII-XIX có 5 xã và 1 phường gồm: Lát Thượng²², Lát Hạ²³, Thần Chúc²⁴, Thổ Hà²⁵, Yên Viên và (phường) Nguyệt Đức²⁶. Trong đó, Thổ Hà có nghề cang gôm, Yên Viên (làng Vân) là nơi có nghề rượu, phường Nguyệt Đức chuyên chở rượu, cang gôm đi bán nhiều nơi, đồng thời chở hàng hóa từ nhiều nơi đến trao đổi ở các chợ làng Vân, Thổ Hà, Vạn Phúc. Trục tam giác với các chợ Vân, Thổ Hà, Vạn Phúc thành 3 đỉnh của tam giác ở 2 bên bờ sông, cách nhau từ 1 đến 1,8 km trở thành nơi buôn bán sầm uất. Đó là yếu tố hình thành nên phường Nguyệt Đức định cư trên sông. Trong đó, chợ Vạn Phúc trong không gian thương mại cùng với làng Vân được miêu tả: “Chợ Vạn Phúc ở Yên Ninh, bên dòng Nguyệt Đức, đối ngạn với các chợ Thổ Hà, huyện Việt Yên, là nơi thuyền bè tụ tập. Lê Quý Đôn có câu: “Đường thông bãi biển cua tôm rế/ Đất có nghề nung chính vai nhiều/ Lên xuống bến đò như mắc cửi/ Mưu tìm lợi nhỏ khổ bao nhiêu” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2006, tr.110-111).

Đại Nam nhất thống chí đánh giá về hiện trạng sầm uất của giao thương trong trấn Kinh Bắc trong đó có Yên Viên (làng Vân): “Quan ải Cầ²⁷ Trạ²⁸ và Hươ²⁹ La, phố chợ Vạn Phúc, Yên Viên, Đĩ³⁰ Kế và Bắ³¹ Trầ³², thuyền bè tụ họp, người buôn bán qua lại cũng là đất đô hội” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2006, tr.76).

¹⁷ Chợ Trục còn gọi là chợ Đổng Gạo. Hiện nay thuộc xã Đông Phong, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Là làng kết nghĩa với làng Vân.

¹⁸ Chợ Thổ Hà thuộc làng Thổ Hà, cùng xã với làng Vân, cách chợ làng Vân 1 mét.

¹⁹ Chợ Nhائم Nghiê, hiện nay thuộc xã Trung Sơn, huyện Việt Yên, cách làng Vân 7 km.

²⁰ Hiện nay là làng Tam Tảo, xã Phú Lâm, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

²¹ Các tác giả dịch là Thiên Phúc, nhưng đúng phải là Thiên Phúc.

²² Hiện nay là thôn Thượng Lát, xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

²³ Hiện nay là thôn Hạ Lát, xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

²⁴ Hiện nay là thôn Thần Chúc, xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

²⁵ Hiện nay là thôn Thổ Hà, xã Vân Hà, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

²⁶ Hiện nay là thôn Nguyệt Đức, xã Vân Hà, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

Nếu như chợ là địa điểm để mua bán, thì bến đò có vị trí là cửa ngõ nối với chợ với giao thông đường sông. Làng Vân có 7 bến đò, trong đó có bến Đình, đền Trung là bến lớn nhất. Tại *Nhị xã giao ước* (二 社 交 约), ghi trong sách *Yên Viên xã tục lệ*, giữa Vân và Đống Gạo năm Chính Hòa thứ 26 (1705) có điều ước: “Làng Vân (Yên Viên) không được thu thuế tiền đò của nhân dân Đống Gạo. Thôn Đống Gạo không được thu tiền thuế chợ của Yên Viên” (Yên Viên xã tục lệ). Trong những nội dung giao ước của hai làng Vân và Đống Gạo có liên quan đến thu thuế chợ và bến đò vào thời gian năm 1705. Điều này phản ánh thực trạng nhu cầu mua bán, trao đổi hàng hóa của hai làng và xung quanh vùng, đồng thời, cũng phản ánh: thu thuế chợ và bến đò cũng là nguồn lợi.

Chính sách thuế của chúa Trịnh ở thế kỷ XVIII đã tác động tích cực đến tình hình thương nghiệp làng Vân, làm cho công việc buôn bán trao đổi hàng hóa ngày càng trở nên sầm uất. Tuy nhiên, chính quyền cơ sở dựa vào việc mở chợ, bến đò ở địa phương mình một mặt để phát triển giao thương hàng hóa, mặt khác, cũng lợi dụng để thu thuế kiếm lợi riêng.

Năm Gia Long thứ 16 (1817), việc tranh chấp khu đất và bến đò giữa làng Yên Viên và Đại Lâm đã dẫn đến việc gửi đơn kiện lên Bộ Hình. Ngày 4 tháng 2 năm 1817, Bộ Hình đã có văn bản: “Tâu trình rằng xã ấy có sự kiện tụng với xã Yên Viên, huyện Yên Việt về việc tranh nhau về khu đất và bến đò bên bãi sông... Qua việc tâu lên, nay kính ban quyết rằng: “Bến đò này, nay không có lệ thuế, cho phép hai xã Đại Lâm và Yên Viên không được gây khó khăn trở ngại cho khách qua sông khi xã Đại Lâm chở qua...”” (Sở Văn hóa - Thông tin Bắc Ninh, 2005, tr.350).

Từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XVIII, qua các tài liệu cho thấy giao thương đường thủy trong việc vận chuyển và buôn bán rượu chiếm ưu thế. Đến thế kỷ XIX, qua tài liệu khảo sát, điền dã lại cho thấy giao thương đường bộ phát triển, và việc bán rượu tiến lên một hình thức mới là mở rộng thị trường lên các phủ, huyện miền ngược như phủ Lạng Thương, phủ Yên Thế.

3.2. Đời sống văn hóa - xã hội

Đời sống sinh hoạt của người dân làng Vân trong xứ Kinh Bắc coi rượu là thức uống quan trọng. Rượu có trong nhiều tiết, lệ trong năm như tết Nguyên Đán, tết Thượng Nguyên (rằm tháng Giêng), tết Hàn Thực (mùng 3 tháng 3), ngày tết Đoan Ngọ (mùng 5 tháng 5) (Nguyễn Quang Ngọc, 1993, tr.35), rằm tháng Bảy (15/7), tết Trung thu (15/8), tết Cơm mới 9/9 hoặc 10/10. Nhiều việc quan trọng trong cuộc đời như cúng mụ (đầy tháng sau khi sinh), vào giáp, vào họ, lên lão, việc cưới hỏi, việc tang, việc giỗ, việc khao vọng... đều dùng rượu.

Nhiều nghi lễ trong làng Vân đều dùng rượu, nghề rượu là nghề của làng đã tạo điều kiện thuận lợi cho sự hiện hữu của rượu trong nhiều tiết, lệ, nghi lễ quan trọng trong năm của làng.

Bảng 2: Các tiết, lệ trong năm

Thời gian và địa điểm	Nội dung hội, lệ	Thành phần tham gia	Đồ lễ
Ngày 30 tháng Chạp ở đền Chính, đền Trung, đền Thượng, chùa Diên Phúc, chùa Quảng Lâm	Tết Nguyên đán: tế lễ, khi tế đọc “Văn giao thừa”	Lý trưởng, 4 giáp trưởng	Trầu 20 miếng, cau 12 miếng, rượu 1 đài
Ngày 3 và 4 tháng Giêng tại đình, đền Trung, đền Thượng, đền Chính	Khai xuân, động thổ: tế lễ, đọc văn ở từng đền gồm đền Chính, Thượng, Trung; sau khi lễ xong bày cỗ gồm 3 bàn uống rượu tại đình. 4 cỗ có 1	Chánh, phó lý; hương lão; hội tư văn	Trầu cau, hoa quả, thịt, rượu gồm 3 bàn.

	cỗ thịt mời quan huyện, 3 cỗ còn lại chia về các giáp		
Ngày 7 tháng Giêng giỗ Thánh sư ở từng gia đình	Giỗ thánh sư	Tổ chức tại các gia đình	Trầu cau, gà mái, xôi, rượu
Ngày thụ tử tháng Giêng tổ chức tại chùa Quảng Lâm	Minh thệ (thẻ không truyền nghề rượu ra ngoài làng): uống rượu với tiết gà làm lễ thệ	Lý trưởng, hương dịch, 4 giáp trưởng, đại diện 12 dòng họ	Trầu cau, gà trống trắng, xôi, rượu
Ngày 21 - 25 tháng 4 tổ chức ở đền Chính	Ngày hội đền Chính: các nghi lễ cáo yết thần từ 21/4, vật cầu từ 22-24/4, kết thúc hội 25/4, cỗ chuẩn bị gồm cỗ, trầu cau, thịt trâu, bò, rượu, gà trống, ăn cỗ ở đền Chính, 4 giáp.	Lý trưởng, phó lý, hương lão; hội tư văn, thầy cả	Trầu cau, xôi, gà, rượu
Ngày 4 đến 6 tháng 8 tại đình.	Lễ Kỳ Yên: tế lễ, sau đó uống rượu tại đền, có bài văn kỳ yên đọc khi làm lễ.	Lý trưởng, phó lý; hội tư văn, đại diện 4 giáp	Trầu cau, rượu, tiền, thịt
Ngày 7 đến ngày 8 tháng 9 làm lễ tại đền Chính, Thượng, Trung	Các giáp và hội tư văn làm lễ tại các đền, có bài văn từng đền	hội tư văn	Trầu cau, rượu, tiền, thịt

Nguồn: Yên Viên xã tục lệ.

Trong các tiết lệ trên, được sử dụng rượu nhiều trong ngày hội 22-24/4 và ngày 4-6/8 âm lịch tại đình. Trong lệ vật cầu nước ngày 22-24/4 tiến hành giữa các giáp Thượng, Trung, Giữa, Đông, rượu được dùng khi tiến hành làm lễ cáo yết thần, các quân cầu dùng rượu tại sân cầu trước khi vật cầu, sau đó, dân 4 giáp trong làng uống rượu tại giáp.

Với việc nấu rượu và buôn bán đã tạo cho cư dân làng Vân sự giàu có về kinh tế. Từ năm 1635 đến năm 1907, qua tổng hợp từ 107 văn bia, cư dân trong làng công đức, cúng ruộng vào chùa, giáp 50 mẫu, 4 sào, 3 thước ruộng. Nền tảng kinh tế là điều kiện thuận lợi để có thể công đức vào việc xây dựng các công trình tôn giáo, tín ngưỡng với các chùa Diên Phúc, Khánh Độ, Quảng Lâm, đền Thượng, đền Trung, đền Chính, từ chỉ, cầu, điểm làng, trường học. Nếu chỉ dựa vào làm ruộng, khó có thể công đức tiền và ruộng nhiều để xây dựng 3 ngôi chùa trong một làng cùng các công trình tín ngưỡng khác. Việc công đức tiền minh chứng cho sự dồi dào nguồn tiền trong nhân dân, qua đó, phản ánh sự hưng thịnh của nghề rượu đã làm cho đời sống kinh tế làng Vân phát triển ở các thế kỷ XVII-XIX.

Bằng số tiền công đức, bầu hậu, gửi giỗ, người làng Vân đã thực hiện liên tục được 107 văn bia phản ánh từ năm 1635 đến năm 1907. Tác động của nghề rượu không chỉ là đối với sinh hoạt văn hóa làng xã, mà còn cả đời sống xã hội của làng. Mô hình làng nghề thủ công và buôn bán là chủ yếu, bên cạnh đó có trồng lúa và chăn nuôi, đã tạo nền tảng cho sự phát triển tổ chức và quan hệ xã hội trong làng.

Làng Vân là làng nghề thủ công, có yếu tố phố thị của huyện, phủ. Điều đó đã dẫn đến sự ra đời của các phường. Phường ở làng Vân là tập hợp của những người làm cùng một nghề, sống với nhau

trong một xóm. Thành phần của phường có nữ giới, vì họ tham gia trực tiếp trong việc buôn bán, nấu rượu... Nghề rượu đã tác động mạnh mẽ đến sự đoàn kết cộng đồng với nhiều thành phần xã hội trong làng tham gia. Trong đó có vai trò của bộ máy quản lý làng xã, gồm từ lý trưởng, phó lý trưởng, thôn trưởng, hương lão... đến các tổ chức xã hội như giáp, hội tư văn, 12 dòng họ, phường... Các thiết chế xã hội này đảm bảo chặt chẽ bao trùm hết các quan hệ xã hội nhằm đoàn kết cộng đồng làng trong việc bảo vệ và phát triển nghề rượu, là nghề mưu sinh của làng.

4. Kết luận

Vị trí thiên nhiên không thuận lợi cho cư dân làng Vân trong việc trồng lúa nước. Chuyển sang nghề sản xuất rượu làm kế mưu sinh, với phẩm chất cần cù, sáng tạo, cư dân làng Vân đã bằng quy trình, bí quyết của mình làm ra rượu ngon hơn hẳn các làng sản xuất rượu thủ công truyền thống khác trong xứ Kinh Bắc. Quá trình đối phó với chính sách về nghề rượu - đánh thuế, hạn chế lò rượu ở các thế kỷ XVII-XIX đã được người làng Vân thực hiện có hiệu quả, đặc biệt, họ đã cấm truyền nghề ra ngoài làng bằng các thiết chế ràng buộc về phong tục tập quán, của từ gia đình, dòng họ đến các tổ chức xã hội làng xã. Sự linh hoạt trong việc đối phó để bảo tồn nghề rượu không chỉ giúp cho nghề rượu làng Vân có sức sống lâu dài, mà còn tác động đến mọi mặt của đời sống làng xã. Sản xuất rượu kết hợp với chăn nuôi lợn và buôn bán cùng với vị trí thuận lợi với đường giao thông đường thủy đã tạo cho làng Vân mang yếu tố kép, vừa là làng nghề truyền thống, vừa mang yếu tố phổ phường, là lỵ sở của huyện và phân phủ Thiên Phúc, là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội ở các thế kỷ XVII-XVIII, trước khi bị giảm sút ở thế kỷ XIX. Nghề rượu không chỉ tác động đến kết cấu kinh tế làng, mà còn ảnh hưởng mạnh mẽ đến sinh hoạt văn hóa - xã hội làng xã. Bằng sự sung túc của nghề rượu mang lại, cư dân trong làng đã đóng góp để tạo nên nhiều giá trị văn hóa vật chất và tinh thần. Hiện nay, quá trình bảo tồn và phát huy giá trị nghề rượu đang đứng trước những thách thức từ các vấn đề rượu giả nhấm mác, tác hại của rượu “không khói”, môi trường làng nghề... Do vậy những giá trị của nghề rượu cổ truyền sẽ góp phần bảo tồn và phát huy giá trị làng nghề thủ công nghiệp hiện nay trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng nông thôn mới.

Tài liệu tham khảo

1. *Bắc Hà phủ, Yên Việt huyện, Tiên Lát tổng, Yên Viên xã địa bạ* (北河府安越縣先辣總先辣社地播), năm Gia Long thứ 4 (1805), lưu tại Trung tâm lưu trữ Quốc gia I, kí hiệu 2319.
2. Lý Thanh Bình (2012), *Rượu Trung Quốc*, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.
3. Phan Huy Chú (2007), *Lịch triều hiến chương loại chí*, t.2, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
4. Ngô Văn Cường (2015), “Phật giáo trong đời sống người dân làng Vân thế kỷ XVII-XIX qua nguồn sử liệu văn bia”, Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 7 (145).
5. Ngô Văn Cường (2016a), “Vài nét về một số loại hình tổ chức xã hội và tập hợp cư dân làng Vân từ thế kỷ XVII đến đầu thế kỷ XX qua văn bia”, Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 7 (483).
6. Ngô Văn Cường (2016b), “Lê bầu Hậu qua văn bia làng Vân”, Tạp chí *Văn hóa Nghệ thuật*, số 382.
7. *Diên Phúc tự tạo khai các sở lập bi, sáng lập tín thí Tam bảo thị bi* (延福寺造開各所立碑, 創立信施三寶市碑), Khánh Đức thứ 3 (năm 1651), lưu tại chùa Diên Phúc.
8. Phan Đại Doãn (2010), *Từ làng đến nước một cách tiếp cận lịch sử*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
9. Lê Quang Định (2005), *Hoàng Việt nhất thống địa dư chí*, Nxb Thuận Hóa, Huế.
10. Gerard Sasges (2022), *Độc quyền rượu và chế độ thuộc địa Pháp ở Đông Dương*, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.
11. Đỗ Thị Thùy Lan (2015), *Hệ thống cảng thị trên sông Đàng Ngoài: lịch sử Ngoại thương Việt Nam thế kỷ XVII-XVIII*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

12. Nguyễn Quang Ngọc (1993), *Về một số làng buôn ở đồng bằng Bắc Bộ thế kỷ XVIII-XIX*, Hội Khoa học Lịch sử học Việt Nam, Hà Nội.
13. Pierre Gourou (2003), *Người nông dân châu thổ Bắc Bộ*, Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Viện Viễn Đông Bác Cổ (Pháp).
14. Quốc sử quán triều Nguyễn (2006), *Đại Nam nhất thống chí*, t.4, Nxb Thuận Hóa, Huế.
15. Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, t.7, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
16. Sở Văn hóa - Thông tin và Thể thao Bắc Ninh (2005), *Tư liệu Hán Nôm huyện Yên Phong*, Bắc Ninh.
17. Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch Bắc Ninh (2021), *Bắc Ninh tỉnh chí*, Nxb Văn học, Hà Nội.
18. Khổng Đức Thiêm, Nguyễn Đình Bưu (1994), *Phương ngôn xứ Bắc*, Sở Văn hóa - Thông tin và Thể thao Hà Bắc, Bắc Ninh.
19. *Thực xá bi ký* (塾舍碑記), Tự Đức thứ 23 (năm 1870), lưu ở chùa Diên Phúc.
20. Viện Nghiên cứu Hán Nôm (2009), *Địa phương chí tỉnh Bắc Ninh qua tư liệu Hán Nôm*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
21. *Yên Viên xã các sự lệ* (安園社各事例), tài liệu lưu trữ tại nhà ông Nguyễn Văn Yên, xóm 2, làng Vân.
22. *Yên Viên xã tục lệ* (安園社俗例), tài liệu lưu trữ tại nhà ông Nguyễn Văn Yên, xóm 2, làng Vân.
23. *Yên Viên xã thần tích, thần sắc* (安園社神敕神跡), tài liệu lưu trữ tại nhà ông Nguyễn Văn Vinh, xóm 3, làng Vân.